

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-01-2018

V/v ly hôn giữa chị D và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1994 “có mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đông Mai, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1992 “ vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lưu Thị D trình bày: Chị và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn ngày 10/7/2015 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về gia đình anh T làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 11/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hiểu và tin tưởng

nhau, nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 8/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lục Ngạn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016. Cháu H khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện nay chị đang làm ở Công ty Sam Sung, thu nhập mỗi tháng từ 9-10 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2017 và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị D trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau nên ghen tuông và nghi ngờ lẫn nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn chị D về đoàn tụ nhưng nếu như chị D nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016. Từ khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lục Ngạn sinh sống cháu H vẫn ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Hiện nay anh làm ở khu Công nghiệp Song Khê, Bắc Giang, mỗi tháng thu nhập 08 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị D chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh T vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị D và anh Trịnh Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lưu Thị D và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn ngày 10/7/2015 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lục Ngạn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị D nhất quyết xin ly hôn anh T. Anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T cũng xác nhận vợ chồng không còn chung sống cùng nhau và chị D nhất quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh T.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị D, anh T có 01 con chung là Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016. Hiện nay cháu H đang ở với anh T. Nay cả chị D và anh T đều đề nghị được nuôi con và đều đủ điều kiện để nuôi con, nhưng do cháu H còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng. Do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị D và anh Trịnh Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Lưu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002718 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiến Chính

Tạ Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. Hội đồng xét xử thêm
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Tiến Chính.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 400/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị D, sinh năm 1994 “có mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đông Mai, xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1992 “ vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị D và anh Trịnh Văn T.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Trịnh Trung H, sinh ngày 10/5/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. *Về án phí:* Chị Lưu Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002718 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái

Nguyễn Tiến Chính

Tạ Thị Thu Thủy